

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN CHĂN NUÔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/QĐ-VCN-KHĐT&HTQT

ngày 05/02/2025)

HÀ NỘI - 2025

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2025

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

- Tên cơ sở đào tạo: Viện Chăn nuôi.

- Địa chỉ: Số 9 Tân Phong – Phường Thụy Phương – Quận Bắc Từ Liêm –
Thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://www.vcn.org.vn>

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo
cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các
kết quả nghiên cứu....)

1.2.1. Các ngành đào tạo:

+ Chăn nuôi (Mã số 9 62 01 05);

+ Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi (Mã số 9 62 01 07);

+ Di truyền và Chọn giống vật nuôi (Mã số 9 62 01 08).

1.2.2. Thời gian đào tạo: Tốt nghiệp Đại học loại giỏi: 4-5 năm

Tốt nghiệp Thạc sĩ: 3-4 năm

1.2.3. Điều kiện dự tuyển:

1.2.3.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành chăn nuôi, chăn nuôi thú y, thú y hoặc ngành phù hợp;

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đã công bố đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

1.2.3.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc thạc sĩ do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại bảng sau:

Danh mục một số chứng chỉ tiếng nước ngoài minh chứng cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Các chứng chỉ ngoại ngữ tại bảng trên do một tổ chức khảo thí được quốc tế hoặc Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

1.2.3.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.2.3.4. Người dự tuyển là các ứng viên trong diện Đề án 89 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với ngành đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cho cơ sở đào tạo.

1.2.4. Hồ sơ dự tuyển:

a) Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- Đơn xin dự tuyển.
- Lý lịch khoa học.
- Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực công chứng.
- Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển) và thâm niên công tác (nếu có).
- Đề cương dự kiến nghiên cứu (theo mẫu do cơ sở đào tạo quy định).
- Bài luận tổng quan về dự định nghiên cứu (theo mẫu do cơ sở đào tạo quy định).

- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh là những người có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành phù hợp.

2.2. Phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển trực tiếp hoặc xét tuyển trực tuyến online.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành: 03 chỉ tiêu.

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của Viện Chăn nuôi:

Viện Chăn nuôi có 20 đơn vị trực thuộc, gồm 01 Phân Viện, 3 phòng chức năng, 4 bộ môn nghiên cứu chuyên sâu, 2 phòng thí nghiệm và 10 trung tâm nghiên cứu chuyên con đóng trên địa bàn cả nước.

Viện Chăn nuôi có đội ngũ giáo viên gồm 45 giảng viên cơ hữu là các Phó giáo sư và Tiến sĩ, đội ngũ giảng viên được đào tạo bài bản có khả năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu của Viện như sau:

a) Di truyền giống vật nuôi, nuôi giữ giống gốc; phát hiện, đánh giá, bảo tồn và phát triển nguồn gen vật nuôi và cây thức ăn chăn nuôi;

b) Công nghệ sinh học chăn nuôi, đa dạng sinh học và tin sinh học;

c) Sinh lý, sinh hóa, sinh sản, tập tính vật nuôi và bảo vệ sức khỏe động vật;

d) Dinh dưỡng, thức ăn chăn nuôi, đồng cỏ và cây thức ăn chăn nuôi;

đ) Kinh tế, hệ thống, môi trường chăn nuôi và ảnh hưởng của chăn nuôi tới biến đổi khí hậu;

e) Chuồng trại, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng; chế biến, bảo quản an toàn vệ sinh thực phẩm chăn nuôi;

- Nghiên cứu đề xuất xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về chăn nuôi. Tham gia nghiên cứu, đề xuất chính sách, định hướng phát triển phục vụ quản lý nhà nước của Bộ. Tham gia kiểm định, kiểm nghiệm giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất theo quy định của pháp luật.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về khoa học công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Năm 2024, Viện đã triển khai 91 nhiệm vụ các cấp, trong đó: 8 nhiệm vụ cấp nhà nước (1 đề tài cấp nhà nước, 02 dự án SXTN, 05 nhiệm vụ phát triển nguồn gen); 39 nhiệm vụ cấp Bộ (19 đề tài, 04 dự án SXTN, 03 nhiệm vụ quỹ gen, 01 công nghệ sinh học, 03 tiêu chuẩn quốc gia, 03 nhiệm vụ tiềm năng và 1 nhiệm vụ

thuộc các chương trình khác của bộ, 5 nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động phòng thí nghiệm trọng điểm) 9 dự án hợp tác quốc tế và 35 nhiệm vụ KH&CN với các doanh nghiệp, địa phương, phối hợp viện trường và các đề tài cơ sở.

Viện Chăn nuôi có hai nhà khoa học được vinh danh là "Nhà khoa học của Nhà nông" năm 2024.

Viện đã tổ chức Hội đồng tư vấn, đánh giá các nhiệm vụ KH&CN đề xuất năm 2025. Kết quả: 01 nhiệm vụ cấp nhà nước và 06 nhiệm vụ cấp Bộ (3 đề tài; 1 đề tài tiềm năng và 2 nhiệm vụ quỹ gen) dự kiến sẽ được phê duyệt và bắt đầu thực hiện từ năm 2025.

Viện đã hoàn thành xây dựng, định mức kinh tế - kỹ thuật trong hoạt động khoa học và công nghệ lĩnh vực chăn nuôi.

Xây dựng và hoàn thiện kế hoạch, nhiệm vụ ưu tiên triển khai đến 2030 của Đề án KH&CN theo quyết định 1742/QĐ-TTg ngày 30/12/2023.

Xây dựng thuyết minh tổng thể, danh mục dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc dự án Dự án KH&CN thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực chăn nuôi đến năm 2030 theo Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2547/QĐ-BNN-KH&CN ngày 25/07/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Chủ trì xây dựng Đề án "*Đẩy mạnh hoạt động Khoa học và Công nghệ ngành chăn nuôi đến năm 2030*". Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1742/QĐ-TTg ngày 30/12/2023. Phối hợp xây dựng đề án "*Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030*" Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023.

+ Về con lợn:

Đề tài Nghiên cứu chọn tạo một số dòng lợn có năng suất, chất lượng cao từ một số dòng lợn hiện có ở Việt Nam, thời gian thực hiện 2022-2026.

Đề tài “Nghiên cứu tạo dòng lợn nái chất lượng cao từ nguồn gen lợn Móng Cái và lợn đen Nhật Bản (Kagoshima Berkshire)” thời gian thực hiện từ 2023-2027.

Đề tài trọng điểm cấp Bộ “Nghiên cứu chọn tạo dòng lợn đực cuối cùng có năng suất, chất lượng cao từ một số nguồn gen hiện có ở Việt Nam” thời gian thực hiện từ 2022-2026.

Đề tài Nghiên cứu chọn lọc nâng cao năng suất lợn Móng Cái và chọn tạo dòng nái từ nguồn gen lợn Hương, Landrace, thời gian thực hiện 2022-2026.

Dự án SXTN Hoàn thiện quy trình chăn nuôi lợn Hương, thời gian thực hiện 2024-2026.

+ Về gia cầm:

Đề tài Nghiên cứu lai tạo một số dòng gà lông màu đặc sản năng suất cao từ nguồn gen bản địa, thời gian thực hiện 2021-2024.

Đề tài Nghiên cứu chọn tạo một số dòng gà hướng trứng năng suất, chất lượng cao đáp ứng yêu cầu sản xuất ở các vùng sinh thái, thời gian thực hiện 2021-2025.

Đề tài Nghiên cứu chọn lọc tạo dòng và nâng cao năng suất một số dòng gà xương đen, thịt đen, thời gian thực hiện 2024-2028.

Đề tài tiềm năng “Nghiên cứu tạo con lai F1 giữa gà DA15-15 với gà H’mong”, thời gian thực hiện 2023-2025.

Đề tài tiềm năng cấp bộ Nghiên cứu khả năng sản xuất của con lai giữa gà Tai đỏ với gà Ri và gà Mía, thời gian thực hiện từ 2024-2025.

Dự án Sản xuất thử nghiệm vịt hướng trứng có năng suất cao phục vụ chăn nuôi vùng nước mặn, thời gian thực hiện 2021-2025.

Đề tài Nghiên cứu chọn tạo 2 dòng vịt từ vịt bầu Sín Chéng, vịt biển và vịt Huba, thời gian thực hiện 2022-2025.

Đề tài Nghiên cứu lai tạo một số dòng vịt hướng thịt, kiêm dụng và hướng trứng thích ứng với biến đổi khí hậu tại đồng bằng Sông Cửu Long, thời gian thực hiện 2021-2024.

Dự án Sản xuất thử nghiệm ngan RT tại một số tỉnh miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ, thời gian thực hiện 2023-2025.

Đề tài Chọn lọc ổn định năng suất 2 dòng ngan NTP, thời gian thực hiện 2024-2026.

+ Về trâu, bò và dê cừu:

Đề tài trọng điểm cấp Bộ Nghiên cứu lai tạo một số tổ hợp bò lai hướng thịt cho năng suất, chất lượng cao phục vụ phát triển chăn nuôi bò thịt ở Việt Nam, thời gian thực hiện 2022-2027.

Đề tài Nghiên cứu tạo bò lai hướng thịt giữa tinh bò Senepol thuần với bò cái lai Zebu, Brahman thuần, thời gian thực hiện 2020-2024.

Đề tài Nghiên cứu tạo một số tổ hợp dê lai hướng thịt cho năng suất, chất lượng cao phục vụ phát triển chăn nuôi dê ở Việt Nam, thời gian thực hiện 2022-2026.

Đề tài Nghiên cứu chọn tạo 2 dòng Cừu Phan Rang, thời gian thực hiện 2020-2024.

Đề tài: Nghiên cứu sản xuất tinh dê đông lạnh dạng cọng rạ phục vụ công tác cải tạo, nâng cao năng suất chất lượng đàn dê Việt Nam, thời gian thực hiện 2024 – 2025.

+Về ong:

Đề tài *Khai thác và phát triển ong mật không ngòi đốt tại một số tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc*, thời gian thực hiện 2021-2025.

Đề tài *Nghiên cứu bệnh ấu trùng vôi (Chalkbrood) do nấm Ascosphaera apis gây ra trên ong và biện pháp phòng trị*, thời gian thực hiện 2023-2025.

Đề tài *Nghiên cứu sử dụng Ong không ngòi đốt (Meliponini) để thụ phấn cho dưa lưới trồng trong nhà lưới*, thời gian thực hiện 2023-2025.

+ Về thức ăn, dinh dưỡng:

Nhiệm vụ “*Nghiên cứu chế biến, bảo quản và sử dụng cành cây thanh long làm thức ăn cho gia súc ăn cỏ phục vụ cho vùng khô hạn và xâm nhập mặn ở các tỉnh phía Nam*” thời gian thực hiện từ 2023-2025.

Đề tài “*Nghiên cứu xác định giá trị ME của một số thức ăn phổ biến và tỷ lệ tinh/thô thích hợp trong khẩu phần ăn của đà điểu*”, thời gian thực hiện 2022 – 2024.

Đề tài “*Nghiên cứu xác định thành phần hóa học, giá trị dinh dưỡng của các nguyên liệu thức ăn và tiêu chuẩn cho gà thịt lông màu ở Việt Nam*”, thời gian thực hiện 2022-2024.

+ Về công nghệ sinh học:

Đề tài “*Nghiên cứu hoàn thiện quy trình tạo lợn I nhân bản*”, thời gian thực hiện 2022-2026.

Bài báo và các ấn phẩm khoa học:

Năm 2024, các nhà khoa học của Viện đã có 44 bài báo khoa học. Trong đó: 03 bài đăng trên tạp chí Quốc tế và 41 bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.

2.5. Tổ chức tuyển sinh:

Thời gian và số đợt tuyển sinh/năm: Một đến nhiều đợt.

2.6. Chính sách ưu tiên:

Thí sinh được ưu tiên xét tuyển thuộc một trong những đối tượng sau: Thương binh, con liệt sỹ, người có công với cách mạng, dân tộc ít người, người đang công tác tại miền núi, người nước ngoài. Người dự tuyển thuộc 1 trong các đối tượng ưu tiên trên được xét ưu tiên trong trường hợp các thí sinh bằng điểm nhau.

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính:

a) Phí tuyển sinh: 200.000 đồng /hồ sơ.

b) Học phí: 15.000.000 đồng/NCS/năm.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của phó giáo sư, giảng viên cơ hữu.	23	1.060
Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ.	1	300
Phòng học từ 100 - 200 chỗ.	1	150
Phòng học từ 50 - 100 chỗ.	1	100

Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
Số phòng học dưới 50 chỗ.	1	50
Số phòng học đa phương tiện.	1	100
Phòng làm việc của phó giáo sư, giảng viên cơ hữu.	18	360
Thư viện, trung tâm học liệu.	1	100
Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập.	16	1.600

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành:

Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh

TT	Họ và tên	Chuyên ngành
1.	PGS.TS. Lê Thị Thanh Huyền	Chăn nuôi
2.	PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Mỹ	Chăn nuôi
3.	TS. Phạm Công Thiều	Chăn nuôi
4.	TS. Nguyễn Công Định	Chăn nuôi
5.	TS. Phạm Văn Quyên	Chăn nuôi
6.	TS. Nguyễn Văn Phú	Chăn nuôi
7.	TS. Nguyễn Khánh Vân	Chăn nuôi
8.	TS. Nguyễn Văn Duy	Chăn nuôi

TT	Họ và tên	Chuyên ngành
9.	TS. Trương Anh Tuấn	Chăn nuôi
10.	TS. Hoàng Tuấn Thành	Chăn nuôi
11.	TS. Đặng Vũ Hòa	Chăn nuôi
12.	TS. Nguyễn Thị Hương	Chăn nuôi
13.	TS. Vương Thị Lan Anh	Chăn nuôi
14.	TS. Phùng Thế Hải	Chăn nuôi
15.	TS. Lương Anh Dũng	Chăn nuôi
16.	TS. Lê Thúy Hằng	Chăn nuôi
17.	TS. Phạm Hải Ninh	Chăn nuôi
18.	TS. Vũ Văn Quang	Chăn nuôi
19.	TS. Đào Thị Bình An	Chăn nuôi
20.	TS. Nguyễn Thị Mười	Chăn nuôi
21.	TS. Phạm Văn Sơn	Chăn nuôi
22.	PGS.TS. Phạm Doãn Lân	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
23.	PGS.TS. Ngô Thị Kim Cúc	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
24.	TS. Nguyễn Hữu Tĩnh	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
25.	TS. Nguyễn Quý Khiêm	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
26.	TS. Phạm Văn Giới	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
27.	TS. Lê Bá Quế	Di truyền và Chọn giống vật nuôi

TT	Họ và tên	Chuyên ngành
28.	TS. Trịnh Hồng Sơn	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
29.	TS. Lê Thanh Hải	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
30.	TS. Trần Ngọc Tiến	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
31.	TS. Trần Thị Minh Hoàng	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
32.	TS. Nguyễn Văn Ba	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
33.	TS. Nguyễn Văn Trung	Di truyền và Chọn giống vật nuôi
34.	PGS.TS. Chu Mạnh Thắng	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
35.	PGS.TS. Trần Thị Bích Ngọc	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
36.	TS. Lê Văn Huyền	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
37.	TS. Nguyễn Văn Đại	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
38.	TS. Ngô Đình Tân	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
39.	TS. Nguyễn Văn Quang	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
40.	TS. Đỗ Thị Thanh Vân	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
41.	TS. Nguyễn Đức Chuyên	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
42.	TS. Nguyễn Thành Trung	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
43.	TS. Tạ Văn Cần	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
44.	TS. Đoàn Đức Vũ	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi
45.	TS. Đoàn Vĩnh	Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi

3.3. Các dự án, đề tài nghiên cứu hợp tác quốc tế

Trong năm 2024, Viện Chăn nuôi tiếp tục thực hiện hợp tác song phương, đa phương với các nước bạn và các tổ chức quốc tế về lĩnh vực chăn nuôi, triển khai các dự án với các đối tác như Nhật Bản, Úc, Pháp, Hàn Quốc, Newzeland, Lào, tổ chức ILRI, FAO, JICA, ĐSQ Úc, CIRAD, ACIAR ... Hiện tại, Viện đang triển khai đúng tiến độ và hiệu quả 9 dự án HTQT. Trong đó, Viện chủ trì 05 dự án Hợp tác quốc tế và thực hiện 04 dự án nhánh. Ngoài ra, Viện đang xúc tiến khâu mới các dự án mới như, dự án Johkasou (Nhật Bản).

+ 05 dự án do Viện chủ trì:

(1) Dự án “*Nâng cao năng lực kiểm kê đo lường báo cáo và thẩm định phát thải khí nhà kính lĩnh vực chăn nuôi ở Việt Nam*” (CP Newzealand tài trợ)

(2) Dự án “*Liên kết các hoạt động sản xuất của nông hộ vào chuỗi thương mại cung ứng bò thịt tại Việt Nam*” (do ACIAR tài trợ).

(3) Dự án “*Trao quyền cho các quận/huyện có thu nhập thấp để tận dụng Một Sức khỏe nhằm cải thiện an toàn thực phẩm và thương mại công bằng*”, do Bộ Nông nghiệp và PTNT giao Viện Chăn nuôi là Chủ Dự án.

(4) Nhiệm vụ HTQT: Liên minh đổi mới sáng tạo trong chăn nuôi lợn an toàn sinh học ở Việt Nam (pha 02) thực hiện năm 2024 – 2025 (Chương trình AU4Innovation – Australia tài trợ).

(5) Nhiệm vụ HTQT: Phát triển các phương pháp điều trị bệnh Nosema thân thiện với môi trường (Development of Eco-friendly Therapeutics against Nosemosis) thực hiện năm 2024 – 2025.

+ 04 dự án nhánh:

(1) Dự án ACIAR “*Lợi ích Di truyền Gà Châu Á (AsCGG): Nền tảng khảo sát, thử nghiệm và cung cấp những giống gà cải tiến nhằm cải thiện sinh kế ở Đông Nam Á*” giai đoạn 2021-2024 tại Việt Nam của ILRI.

(2) Dự án ASSET - *Chuyển đổi Nông nghiệp sinh thái bền vững và hệ thống thực phẩm an toàn ở Việt Nam*, thời gian thực hiện 2020-2026.

(3) Dự án: *Năng suất Chăn nuôi Bền vững vì Sinh kế, Dinh dưỡng và Hòa nhập Giới (Sapling)*, thời gian thực hiện 2023-2024.

(4). Dự án “*Thành lập trang trại thông minh và nâng cao chuỗi giá trị ngành hàng công nghiệp chăn nuôi lợn tại tỉnh Ninh Bình*” (do chính phủ Hàn Quốc tài trợ).

3.4. Kiểm định chất lượng:

Định kỳ, Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế phối hợp với đơn vị chuyên môn và thầy hướng dẫn tổ chức kiểm tra thực địa, đánh giá kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác:

Viện Chăn nuôi có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ của ngành đăng ký đào tạo, cụ thể:

a) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết để nghiên cứu sinh có thể triển khai thực hiện đề tài luận án; có địa điểm làm việc cho người hướng dẫn và nghiên cứu sinh;

b) Có thư viện truyền thống với nguồn thông tin tư liệu đủ để nghiên cứu sinh tra cứu khi thực hiện đề tài luận án như sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và ngoài nước được cập nhật liên tục; có thư viện điện tử với bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu liên quan đến ngành đào tạo;

c) Có trang thông tin điện tử của Viện Chăn nuôi được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo, công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, các chương trình hợp tác quốc tế liên quan đến ngành đăng ký đào tạo; danh

sách nghiên cứu sinh trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hàng năm theo các khóa học, ngành học (nếu có, trừ các ngành phải bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật); công khai danh mục đề tài nghiên cứu khoa học đang thực hiện (trong đó có thông tin về đào tạo nghiên cứu sinh trong khuôn khổ đề tài), những danh mục đề tài đề xuất tuyển nghiên cứu sinh; công khai mức thu học phí của Viện Chăn nuôi;

Các thông tin liên quan đến công tác đào tạo tiến sĩ của Viện được cập nhật thường xuyên trên website: <https://vcn.org.vn/dao-tao>.

d) Có tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi riêng của Viện Chăn nuôi. Viện Chăn nuôi được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép xuất bản các kết quả khoa học trên Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802) theo giấy phép xuất bản số 471/GP-BTTTT ngày 22/7/2021. Tạp chí nằm trong danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính 0,75 điểm (Quyết định 18/QĐ-HDGSNN ngày 30/6/2020). Hiện nay, tạp chí xuất bản định kỳ 06 số/năm.

**KT. VIỆN TR ƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

(đã ký)

PGS.TS. Phạm Doãn Lân